

TỪ CHỮ “TRUNG” TRONG NHO GIÁO ĐẾN CHỮ “TRUNG” TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

PHAN MẠNH TOÀN
NGUYỄN TÙNG LÂM

TÓM TẮT

Trong bài viết này, các tác giả luận giải những điểm tương đồng và khác biệt trong quan niệm về chữ “trung” trong Nho giáo và trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Ở đây, ta thấy Hồ Chí Minh không chỉ sử dụng một cách có chọn lọc, kế thừa trên tinh thần phê phán những yếu tố tiến bộ của chữ “trung” Nho giáo, mà Người đã cải tạo và đưa vào đó những nội dung, ý nghĩa mới mang hơi thở của đất nước và thời đại, thể hiện trí tuệ của một nền đạo đức mới - đạo đức cách mạng.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, mặc dù sử dụng nhiều khái niệm, mệnh đề của đạo đức Nho giáo, nhưng Hồ Chí Minh đã thực hiện một sự “cách mạng hóa”, cải tạo và đưa vào đó những nội dung, ý nghĩa mới mang hơi thở của đất nước và thời đại. Điều đó thể hiện sự khai thác di sản quá khứ nói chung, những phạm trù đạo đức Nho giáo nói riêng một cách biện chứng

theo yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người nhận định, “tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6. 2002, tr. 46). Gạt bỏ những mặt bảo thủ, lạc hậu, những yếu tố tiến bộ của các phạm trù đạo đức Nho giáo đã được Hồ Chí Minh khai thác một cách có chọn lọc, kế thừa trên tinh thần phê phán. Thái độ khoa học đó thể hiện rõ khi Người nhắc lại lời của Lenin: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6. 2002, tr. 46).

1. CHỮ “TRUNG” TRONG HỌC THUYẾT NHO GIÁO

Trong học thuyết Nho giáo, “trung” là một trong những phạm trù đạo đức cơ bản. Nguồn gốc và lịch sử của chữ “trung” là một quá trình diễn biến khá phức tạp.

Trong Nho giáo sơ kỳ, “trung” được hiểu là hết lòng hết dạ, thành tâm thật ý – đó là đức tính thẳng thắn, tận tâm khi đối xử với người. Đồng thời, nó còn có nghĩa là hết lòng hết dạ phụng sự nhà vua, là đức cao quý nhất của bề tôi đối với vua. Tuy nhiên, “Trung” với ý nghĩa là “trung quân” không

Phan Mạnh Toàn. Tiến sĩ. Viện Triết học Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Nguyễn Tùng Lâm. Thạc sĩ. Trường Đại học Chính trị, Bộ Quốc phòng

bị cực đoan, tuyệt đối hóa một chiều - tôi không chỉ trung với vua một cách vô điều kiện, mà điều quan trọng là phải giúp vua theo chính đạo. Nhưng từ thời Hán trở đi, sau khi nền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền được xác lập, đức “trung” ngày càng được tôn cao nhằm phục vụ cho yêu cầu bảo vệ ngôi vua trong chế độ phong kiến tập quyền. Theo quan niệm của Hán Nho và Tống Nho, “trung” mang ý nghĩa là hết lòng hết dạ phụng sự nhà vua, cho dù vua bảo chết cũng không được chối từ: “*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*”. Nói đến “trung”, người ta mặc nhiên hiểu nó theo nghĩa “trung quân”, nghĩ đến trách nhiệm, nghĩa vụ của bề tôi là phải trung thành với vua, phải đặt vua lên trên tất cả. Nó đòi hỏi mọi thần dân phải phục tùng tuyệt đối, vô điều kiện với nhà vua. Từ đó đã sản sinh ra quan niệm “*trung thần bất sự nhị quân*” và thái độ “*ngu trung*”, phục tùng vua một cách mù quáng, bất kể đó là ông vua tốt hay xấu. Cũng là đạo lý “quân-thần”, nhưng không còn là quan hệ hai chiều “Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung” (Vua dùng lễ để sai khiến bề tôi, bề tôi lấy trung để phụng sự vua), mà quân quyền đã trở thành chuyên chế, cực đoan ràng buộc quần thần, dân chúng với nhà vua nhằm bảo vệ sự vững chắc vương quyền phong kiến. Hàng ngàn năm qua, sách vở của Thánh hiền đạo Nho thường khuyến khích và ca ngợi những con người suốt đời trung thành với vua cho dù phải hy sinh tính mệnh, hy sinh gia đình và hạnh phúc. Người ta cố vẽ ra những mẫu hình “ngu trung” để làm gương giáo dục cho hậu thế. Mặt khác, Nho giáo còn gắn liền “trung” với “hiếu”, khôn khéo trộn lẫn tình cảm cha con với quan hệ

quân thần, coi “trung với vua, hiếu với cha là cùng một gốc”.

2. CHỮ *TRUNG* TRONG QUAN NIỆM CỦA CÁC NHÀ NHO VIỆT NAM

Vào Việt Nam từ những năm đầu công nguyên, Nho giáo có quá trình tồn tại và phát triển lâu dài với những biến động thăng trầm của lịch sử dân tộc. Sau khi chấm dứt hơn ngàn năm Bắc thuộc, chế độ quân chủ chuyên chế dần đi vào định hình thì Nho giáo nói chung, chữ “trung” nói riêng bắt đầu được quan tâm.

Cần khẳng định rằng, chữ “trung” cũng như các phạm trù đạo đức khác như hiếu, nghĩa, lễ, tiết... không phải thuộc độc quyền của Nho giáo. Ở nhiều nước không chịu ảnh hưởng của Nho giáo cũng có những quan niệm tương tự bởi đó là những yêu cầu chung của chế độ quân chủ, chế độ phụ quyền gia trưởng. Nho giáo đã có công khái quát và chế định nội dung cụ thể của các phạm trù đó, xây dựng nên những bậc thang đạo đức rành mạch. Sau khi chế độ phong kiến trung ương tập quyền từng bước được xác lập và củng cố ở Việt Nam thì quan niệm “trung quân” của Nho giáo đã đáp ứng được yêu cầu củng cố quân quyền và góp phần kéo dài sự tồn tại của các vương triều phong kiến Việt Nam. Từ cuối thế kỷ XV, Nho giáo đã trở thành cơ sở lý luận chủ yếu nhất nhằm củng cố bộ máy nhà nước trung ương tập quyền, nhằm đề cao uy quyền của hoàng đế, đề cao vai trò của người gia trưởng - cũng tức là nhằm khẳng định trật tự của xã hội phong kiến. Để phục vụ cho mục tiêu ấy, vấn đề trung quân, hiếu thuận cũng rất được các nho sĩ và triều đình phong kiến chú trọng.

Mặc dù vậy, trong quan niệm của các nhà nho tiến bộ, chữ “trung” tuy được đề cao, nhưng nội dung của nó đã mang những nét khác biệt, xuất phát từ lập trường và lợi ích dân tộc. Chữ “trung” trong quan niệm của họ không đậm màu thần bí của Hán Nho, cũng không nghiệt ngã như Tống Nho. “Trung” theo các nhà Nho không có nghĩa là trung với một người, một triều đại, một dòng họ, mà trung với vua phải gắn liền với yêu nước, thương dân. Nếu vua và nước xuất hiện mâu thuẫn thì nước sẽ được đặt lên hàng đầu. Quan niệm về “trung” của họ có một sự phân biệt rõ ràng giữa “*minh trung*” với “*ngu trung*”. Vì thế Nguyễn Trãi không *ngu trung* với nhà Trần, nhà Hồ khi đã làm cho “lòng dân oán hận”. Nguyễn Bình Khiêm không *ngu trung* với những “vua quỷ”, “vua lợn” nhà Lê hay nhà Mạc sa đọa, đốn hèn. Nguyễn Đình Chiểu không *ngu trung* với các vua nhà Nguyễn phản bội dân tộc, cắt đất cầu hòa, tiếp tay cho Pháp xâm chiếm đất nước. Ông thà mang tiếng là kẻ nghịch thần đối với nhà vua còn hơn nhắm mắt khoanh tay để đất nước rơi vào tay giặc... Đối với các nhà nho Việt Nam ấy, “*trung quân*” phải gắn liền với “*ái quốc*”. Hơn nữa, tinh thần “*ái quốc*”, “*ái dân*” mới là chủ đạo. Như vậy, cũng nói đến “trung” nhưng ở các nhà nho Việt Nam tiến bộ, nó chứa đựng đạo đức truyền thống dân tộc và phản ánh nhu cầu thực tiễn lịch sử khi đó, có phần khác biệt với các quan niệm kinh điển của Nho giáo Trung Hoa. Những quan niệm ấy được xây dựng trên cơ sở của truyền thống dân tộc, của ý thức sâu sắc về Tổ quốc, lòng yêu nước thương dân không phải rập theo khuôn mẫu của của lễ giáo đạo Nho.

3. CHỮ *TRUNG* TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CỦA HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, đồng thời trên cơ sở kế thừa và phát triển những giá trị tư tưởng đạo đức phương Đông, những tinh hoa đạo đức nhân loại.

Những phạm trù đạo đức: *Trung, hiếu...* đã quen thuộc với người dân Việt Nam từ lâu đời. Hồ Chí Minh đã sử dụng và cải tạo chúng, bổ sung cho chúng những nội dung mới của thời đại, nên những giá trị đạo đức truyền thống đã kết hợp với những giá trị đạo đức cách mạng, khiến những giá trị truyền thống được nâng lên tầm thời đại. Vì thế mà mỗi người Việt Nam đều cảm thấy những giá trị đạo đức này gần gũi và quen thuộc.

Hồ Chí Minh sử dụng “trung” – một khái niệm cơ bản trong học thuyết đạo đức Nho giáo song bản chất của nó đã khác hẳn: đó không phải là “trung quân” mà là “trung” gắn với “nước” thành “trung với nước”. Nghĩa là, cái mà Nho giáo đề cao tột bậc, đòi hỏi phải xây dựng, củng cố vững chắc lại là cái mà tư tưởng Hồ Chí Minh yêu cầu phải lật đổ. Tư tưởng “trung với nước” của Hồ Chí Minh, về thực chất cũng chính là tư tưởng yêu nước - một truyền thống đạo đức của dân tộc ta, nó vừa thể hiện tình cảm thiêng liêng, vừa thể hiện ý thức trách nhiệm cao cả của mỗi con người với Tổ quốc. Hơn nữa, tư tưởng “trung với nước” của Hồ Chí Minh không chỉ kế thừa tinh thần yêu nước truyền thống của dân tộc Việt Nam. “Trung với nước” nghĩa là phải tận tâm, tận lực với sự nghiệp giữ nước và

xây dựng đất nước, phải “hiếu” với dân, phải suốt đời phấn đấu hy sinh vì *độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội*.

Với Hồ Chí Minh, điều chủ chốt nhất trong đạo đức cách mạng là phải “quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9. 2002, tr. 285), là “tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 9. 2002, tr. 285). Đối với người cán bộ lãnh đạo, Người yêu cầu, phải xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, bởi “lãnh đạo nghĩa là làm đầy tớ”. Mỗi người cán bộ, mỗi người đảng viên phải xác định mình vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải làm “quan cách mạng” để đè đầu cưỡi cổ nhân dân.

Như vậy, mượn khái niệm “trung” trong luân lý đạo Nho, song Hồ Chí Minh đã sử dụng nó một cách sáng tạo, đưa vào đó một nội dung hoàn toàn mới, qua đó đã phát triển và làm sâu sắc thêm truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Hàng ngàn năm trong chế độ phong kiến, chữ “trung” là công cụ để giai cấp thống trị cai trị nhân dân, duy trì quan hệ áp bức, bất bình đẳng, thì đến Hồ Chí Minh, ý nghĩa ấy đã không còn giá trị. Chữ “trung” trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là nghĩa vụ của nhân dân đối với một con người, một dòng họ mà ngược lại, đó là nghĩa vụ của mỗi cá nhân với cộng đồng, xã hội và Tổ quốc.

Xuất thân từ gia đình có truyền thống khoa bảng, am hiểu sâu sắc chữ “trung” trong Nho giáo truyền thống và “trung” trong quan niệm của các nhà nho Việt Nam tiến bộ, Hồ Chí Minh đã không sử dụng nó một cách giáo điều mà Người vận dụng sáng

tạo, “cách mạng hóa” nội dung của nó. Trong việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng cho mọi tầng lớp nhân dân, Người nhiều lần nhắc đến khái niệm “trung” cũng như các khái niệm đạo đức khác, nhưng đồng thời Người cũng giải thích rất cụ thể để mọi người hiểu đúng nội dung mà Người muốn đề cập. Nói về *trung* và *hiếu*, Người viết: “... ngày xưa *trung* là trung với vua, *hiếu* là hiếu với cha mẹ mình thôi. Ngày nay, nước ta là dân chủ cộng hòa,... *trung* là trung với Tổ quốc, *hiếu* là hiếu với nhân dân” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5. 2002, tr. 640). Ở Hồ Chí Minh, “trung” cũng thường đi liền với “hiếu”. “*Trung với nước*” và “*Hiếu với dân*” không tách rời nhau, gắn bó hữu cơ với nhau, hơn nữa còn phải là “*tận trung với nước, tận hiếu với dân*”. Nội dung đó vừa thể hiện một cách đậm nét tinh hoa của đạo đức truyền thống, vừa mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc.

Như vậy, từ chữ “trung” trong Nho giáo đến chữ “trung” trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một quá trình biến đổi căn bản về chất. Hồ Chí Minh đã xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để kế thừa có chọn lọc những giá trị văn hóa đạo đức của quá khứ, xây dựng nên những tư tưởng đạo đức mới phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

Thứ nhất, tách những yếu tố tiến bộ ra khỏi hệ thống lạc hậu, bảo thủ. Phê phán, bác bỏ cái đã lạc hậu, lỗi thời, nhưng trân trọng tiếp thu những yếu tố còn có giá trị. Ngay trong từng yếu tố mà Người tiếp thu, sử dụng cũng có sự gạn lọc, cải tạo và nâng cấp cho nó. Thái độ và phương pháp đó là quan điểm lịch sử-cụ thể, đánh giá đúng đắn những giá trị chân chính, đích

thực của cổ nhân để lại, chắt lọc lấy những “hạt nhân hợp lý” của nó, đồng thời phê phán một cách triệt để những nội dung lỗi thời, lạc hậu. Đó là một thái độ, một phương pháp khoa học tựa như Mác đã từng thực hiện đối với phép biện chứng của Hêghen.

Thứ hai, sử dụng những hình thức cũ đã trở thành quen thuộc nhưng cải tạo nội dung của nó, đưa vào đó những nội dung mới, cách mạng, mang hơi thở của dân tộc và thời đại. Những nội dung cũ hạn chế, không còn phù hợp được phê phán, gạt bỏ. Hồ Chí Minh sử dụng rất nhiều châm ngôn, thành ngữ của Nho giáo cũng như của các học thuyết khác nhưng không phải là sự vay mượn, truyền bá mà là một sự “cách mạng hóa” hết sức khoa học. Do đó, nhiều khái niệm đạo đức ở Nho giáo và ở Hồ Chí Minh có sự giống nhau về hình thức nhưng trong sâu thẳm nội dung lại khác nhau về bản chất, thậm chí đối lập nhau. Nói như giáo sư Trần Văn Giàu, “cụ Hồ trọng thị và chiết ra” từ Nho giáo những tư tưởng đẹp được nhân dân thâm nhập từ lâu để giáo dục đồng bào mình; cụ đem lại nội dung mới, cách mạng cho nhiều khái niệm cũ. Nghĩa là, những khái niệm và mệnh đề trở nên quen thuộc với đồng bào ta qua hàng ngàn năm lịch sử đã được Người vận dụng và bổ sung những nội dung mới, thiết thực, góp phần nối liền truyền thống với hiện tại.

Thứ ba, mọi sự phê phán hay kế thừa đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, nhằm mục tiêu phục vụ cách mạng, phục vụ con người, phục vụ nhân dân.

Thứ tư, trên cơ sở phê phán, kế thừa những hạt nhân hợp lý của cái cũ mà xây dựng nên những phẩm chất đạo đức cách mạng, đồng thời người cách mạng phải gương mẫu trong việc thực hành những chuẩn mực đạo đức mới đó, biến nó trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống, thành phẩm chất đạo đức của mỗi con người. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Phan. 2005. *Đạo Khổng trong văn Bác Hồ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
2. *Hồ Chí Minh toàn tập* (12 tập). 2002. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Nguyễn Đăng Duy. *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
4. Nguyễn Thế Thắng. 2002. *Tìm hiểu tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Nxb. Lao động.
5. Phan Bội Châu. 1998. *Khổng học đăng*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
6. Thành Duy. 1996. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. *Tứ thư* (trọn bộ 4 tập) Bản dịch của Đoàn Trung Còn. 2006. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
8. Vũ Khiêu. 1997. *Nho giáo và phát triển Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.